TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/KDTM - PT
Ngày 08/5/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr

Ông Nguyễn Tấn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/KDTM - PT ngày 15/02/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng xây dựng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 22/2018/KDTM - ST ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2019/QĐ-PT ngày 01/4/2019 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 17/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đào Đức Đ1, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện theo ủy quyền:* Bà Đặng Thị Thùy T (văn bản ủy quyền ngày 02/7/2018) – Có mặt.

Địa chỉ: đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và nội thất K.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Hồng S - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn:* Ông Nguyễn Đức D (Giấy ủy quyền số 08/UQ - DAL17 ngày 09/6/2017) – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người kháng cáo: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và nội thất K là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/3/2016, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ (Công ty Đ) có ký kết hợp đồng xây lắp với Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và nội thất K (công ty K) về việc thi công, cung cấp lắp đặt cửa nhựa lõi thép DLP Window tại địa điểm xây dựng Trung tâm kỹ thuật địa chính Đắk Lắk. Thời gian thực hiện hợp đồng là 30 ngày, giá trị hợp đồng tạm tính là 389.618.256 đồng. Sau hơn 01 tháng thi công, Công ty Đ đã hoàn thành khối lượng công trình theo đúng tiến độ và bàn giao mặt bằng và khối lượng thi công thực tế thì giá trị thanh toán hợp đồng là 402.707.362 đồng, hai bên đã lập biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành ngày 25/4/2016 và lập bảng đối chiếu công nợ ngày 28/4/2016.

Công ty K mới thanh toán cho Công ty Đ tổng số tiền là 279.580.000 đồng, còn nợ 123.127.362 đồng. Cụ thể:

- Ngày 03/3/2016 thanh toán 119.580.000 đồng

- Ngày 19/4/2016 thanh toán 80.000.000 đồng

- Ngày 14/6/2016 thanh toán 25.000.000 đồng

- Ngày 25/01/2017 thanh toán 30.000.000 đồng

- Ngày 13/02/2018 thanh toán 25.000.000 đồng.

Số tiền còn nợ mặc dù Công ty Đ đã yêu cầu nhiều lần nhưng công ty K vẫn không trả dứt điểm cho Công ty Đ.

Tại đơn khởi kiện Công ty Đ yêu cầu công ty K thanh toán 203.127.362 đồng là do sai sót trong quá trình kiểm tra việc thanh toán, sau khi xem xét lại Công ty Đ xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu công ty K trả 123.127.362 đồng nợ gốc và lãi phạt theo quy định tại khoản 7.3 Điều 7 của Hợp đồng đã ký là theo lãi suất tiết kiệm 12 tháng của Ngân hàng NN&PTNT tính từ tháng 5/2016.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn ý kiến của nguyên đơn như sau:

- Việc thi công các hạng mục lan can không đúng chủng loại: khi ký hợp đồng xây lắp Công ty Đ có đưa ra chủng loại sẽ thi công vào hợp đồng và trong quá trình thực hiện Công ty Đ cũng thi công đúng chủng loại đó, hai bên đã ký nhận nghiệm thu công trình.

- Công ty Đ đã giao chìa khóa cho công ty K, thể hiện qua 02 biên bản bàn giao ngày 31/5/2016 và biên bản bàn giao ngày 28/9/2017 như đã cung cấp cho Tòa án.

- Khi nghiệm thu công trình thì Công ty Đ đã dọn dẹp sạch sẽ và khi công ty K có yêu cầu sửa chữa thì Công ty Đ đều đưa kỹ thuật xuống công trình thực hiện, khắc phục. Theo hợp đồng thì công ty K cũng không được thuê bên thứ 3 tham gia vào công trình.

- Về việc Công ty Đ không giao hóa đơn giá trị gia tăng cho công ty K bởi vì công ty K không chịu ký hồ sơ thanh lý và thanh toán tiền cho Công ty Đ.

Do đó Công ty Đ không chấp nhận yêu cầu phản tố của công ty K, và vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như đơn khởi kiện ban đầu và đơn thay nội dung khởi kiện như đã nêu trên.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bị đơn thống nhất với nội dung trình bày nói trên của nguyên đơn về việc Công ty K và Công ty Đ có ký kết Hợp đồng xây lắp số 01032016/HĐXL-ĐLP với nội dung chính là: Cung cấp, lắp đặt cửa nhựa lõi thép DLP WINDOW, lan can nhựa tại Trung tâm kỹ thuật địa chính tỉnh Đắk Lắk. Thời gian thực hiện là 30 ngày; Giá trị Hợp đồng là: 398.618.256 đồng, nhưng giá trị thực tế phát sinh là: 402.707.362 đồng.

Sau khi đối chiếu công nợ, Công ty K đã thanh toán qua tài khoản số 102010001960237 và số 113000120818 của Công ty Đ mở tại Ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietinbank), Tổng cộng đã thanh toán: 279.580.000 đồng; Còn nợ lại: 123.127.362 đồng.

Lý do Công ty K chưa thanh toán hết số tiền còn lại là vì: Sau khi thi công xong Công ty Đ không dọn dẹp sạch sẽ công trình khiến Công ty K phải thuê thêm nhân công để làm việc này, Công ty Đ không giao chìa khóa cửa buộc Công ty K phải tự bỏ chi phí làm chìa khóa, chi phí thay ổ khóa và bản lề khi hư hỏng. Hơn nữa, lan can được lắp đặt không đúng quy cách và chất lượng theo thiết kế, trong thời gian bảo hành thì có nhiều hư hỏng nhưng Công ty Đ không sửa chữa, bảo hành dẫn đến việc Công ty K phải tự bỏ chi phí sửa chữa, khắc phục hư hỏng tổng cộng hết 32.000.000 đồng.

Vì vậy, công ty K làm đơn phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ. Đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH Đại Long Phát phải thanh toán lại cho Công ty K số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng chẵn), là chi phí mà Công ty K đã sửa chữa, khắc phục các vi phạm của Công ty Đ do đó Công ty K chỉ đồng ý trả số tiền 91.127.362 đồng (sau khi đã trừ đi số tiền 32.000.000 đồng). Còn về tiền lãi đúng là trong hợp đồng có thỏa thuận lãi suất như đại diện nguyên đơn trình bày nhưng vì Công ty Đ vi phạm hợp đồng nên Công ty K mới dừng việc thanh toán lại để hai bên thương lượng nhưng việc thương lượng không thành, do đó Công ty K chỉ chấp nhận việc trả lãi cho nguyên đơn kể từ ngày thanh toán cuối cùng là ngày 13/02/2018.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Bà A là kế toán Chi cục quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên môi trường tỉnh ĐắkLắk; trước đây sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk có ký hợp đồng với Công ty TNHH xây dựng và nội thất K về việc sửa chữa, nâng cấp, cải tạo công trình nhà làm việc của Trung tâm kỹ thuật địa chính; còn việc Công ty K có thỏa thuận ký hợp đồng với Công ty Đ về việc gia công hệ thống cửa của Trung tâm như thế nào thì bà không biết.

Ngày 28/9/2017, tại Trung tâm kỹ thuật địa chính, các bên gồm đại diện Công ty Đ, công ty K đã bàn giao cho bà A 26 bộ chìa khóa, trước khi giao chìa khóa vào ngày 28/9/2017 thì Chi cục quản lý đất đai đã được giao sử dụng từ đầu năm 2017 thì hệ thống cửa và chìa khóa đã được vệ sinh đầy đủ, mặc dù khi bàn giao chìa khóa có 03 bên tham gia nhưng chỉ có bà Ánh và đại diện Công ty Đ ký vào biên bản bàn giao, Đại diện công ty K chỉ chứng kiến chứ không ký biên bản.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 22/2018/KDTM - ST ngày 27/12/2018, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 227; Điều 147; Điều 161; Điều 220; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 138; Điều 139; Điều 140; Điều 141; Điều 144; Điều 146 Luật Xây dựng ;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ.

Buộc Công ty TNHH xây dựng và nội thất K phải thanh toán cho Công ty TNHH Đ số tiền nợ gốc 123.127.362 đồng và 22.559.668 đồng tiền lãi; Tổng cộng: 145.687.030 đồng

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án, khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH xây dựng và nội thất K đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH Đ khấu trừ số tiền 32.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, ngày 09/01/2019, bị đơn ông Phạm Hồng S - người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xây dựng và nội thất K có đơn

kháng cáo với nội dung: kháng cáo tòan bộ bản án sơ thẩm số 22/2018/KDTM - ST ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt có đơn xin giữ nguyên nội dung kháng cáo và xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà phúc thẩm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Sau khi nhận định, đánh giá, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Hồng S - người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xây dựng và nội thất K – Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của ông Phạm Hồng S - người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xây dựng và nội thất K trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa hôm nay người kháng cáo vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tốt tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Ngày 01/3/2016, Công ty Đ ký kết hợp đồng xây lắp với công ty K về việc thi công, cung cấp lắp đặt cửa nhựa lõi thép DLP Window tại địa điểm xây dựng Trung tâm kỹ thuật địa chính Đắk Lắk. Thời gian thực hiện hợp đồng là 30 ngày, giá trị hợp đồng tạm tính là 389.618.256 đồng. Sau hơn 01 tháng thi công, Công ty Đ đã hoàn thành khối lượng công trình theo đúng tiến độ và bàn giao mặt bằng và khối lượng thi công thực tế thì giá trị thanh toán hợp đồng là 402.707.362 đồng, hai bên đã lập biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành ngày 25/4/2016 và lập bảng đối chiếu công nợ ngày 28/4/2016, công ty K đã thanh toán cho Công ty Đ tổng số tiền là 279.580.000 đồng, còn nợ 123.127.362 đồng. Nên Công ty Đ khởi kiện ra Tòa án để buộc công ty K phải thanh toán số tiền còn nợ. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, thì công ty K có đơn khởi kiện phản tố về việc yêu cầu Công ty Đ phải thanh toán cho công ty K số tiền 32.000.000 đồng tiền phát sinh do chi phí thuê nhân công để dọn dẹp sạch sẽ công trình, chi phí làm chìa khóa, thay ổ khóa và bản lề khi hư hỏng. Đồng

thời cho rằng, lan can được lắp đặt không đúng quy cách và chất lượng theo thiết kế, trong thời gian bảo hành thì có nhiều hư hỏng.

Xét nội dung kháng cáo của Công ty K, thì thấy rằng: Đại diện công ty K thừa nhận việc ký kết hợp đồng với Công ty Đ là có thật, và hiện nay Công ty K đã thanh toán cho Công ty Đ số tiền là 279.580.000 đồng, còn nợ 123.127.362 đồng. Lý do mà công ty K chưa trả số tiền này là vì Công ty K yêu Công ty Đ phải khấu trừ số tiền 32.000.000 đồng là khoản tiền phát sinh mà công ty K đã bỏ ra trả. Tuy nhiên, Công ty K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu phản tố của mình là có căn cứ. Mặt khác, tại biên bản bàn giao chìa khóa vào ngày 31/5/2016 và ngày 28/9/2017; biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành vào ngày 25/4/2016 có xác nhận của đại diện hai công ty và người làm chứng là đại diện Chi cục quản lý đất đai xác định khi giao chìa khóa thì hệ thống cửa, chìa khóa và việc vệ sinh đã đầy đủ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ buộc công ty K phải thanh toán cho Công ty Đ số tiền nợ gốc 123.127.362 đồng và 22.559.668 đồng tiền lãi; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của công ty K là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy nội dung kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở, nên không chấp nhận, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 22/2018/KDTM-ST ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty TNHH xây dựng và nội thất K phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 138; Điều 139; Điều 140; Điều 141; Điều 144; Điều 146 Luật Xây dựng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng nội thất K – Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 22/2018/KDTM - ST ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ. Buộc Công ty TNHH xây dựng và nội thất K phải thanh toán cho Công ty TNHH Đ số tiền nợ gốc 123.127.362 đồng và 22.559.668 đồng tiền lãi; Tổng cộng: 145.687.030 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án.

[2] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH xây dựng và nội thất K đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH Đ khấu trừ số tiền 32.000.000 đồng.

[3] Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH xây dựng và nội thất K phải chịu 7.284.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận, được khấu trừ vào số tiền 3.000.000 đồng đã nộp theo biên lại số AA/2017/0008023 ngày 07/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Công ty TNHH Đ không phải chịu án phí KDTM-ST, được nhận lại 5.078.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0007466 ngày 19/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

- Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH xây dựng và nội thất K phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ số tiền đã nộp theo biên lai số AA/2017/0011729 ngày 14/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp Buôn Ma Thuột;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh